



Tài Liệu Minh Họa Bán Hàng Của Sản Phẩm Bảo Hiểm

Khởi Đầu Hạnh Phúc

Bước khởi đầu cho hành trình hạnh phúc

Sản phẩm bảo hiểm liên kết chung của Công ty TNHH Manulife (Việt Nam).

Nghiệp vụ bảo hiểm: Bảo hiểm liên kết đầu tư.



Cùng Manulife thực hiện hóa kế hoạch toàn diện về bảo vệ, tích lũy và đầu tư hưng thịnh cho bạn và cả gia đình.

Sẵn sàng quỹ dự phòng tối ưu cho rủi ro bất ngờ



- Chi trả 150% STBH trước rủi ro tử vong
- Hỗ trợ thêm lên đến 450% STBH trước rủi ro tử vong do tai nạn bất ngờ

Bảo vệ và nâng cao sức khỏe mỗi ngày



- Bảo vệ lên đến 150% STBH trước các thương tật do tai nạn
- Quỹ dự phòng 50% STBH trước bệnh ung thư giai đoạn cuối

Cầu nối bảo vệ cho tuổi hưu trí an nhàn



- Gia tăng tích lũy với các khoản thưởng đặc biệt hấp dẫn lên đến 550% phí bảo hiểm quy năm khi duy trì hợp đồng dài hạn
- Tích lũy ổn định trong dài hạn với lãi suất đảm bảo



Thông tin doanh nghiệp

Công ty TNHH Manulife (Việt Nam)

Trụ sở chính: Manulife Plaza,
75 Hoàng Văn Thái, P.Tân Phú, Q7,
TP. HCM

Điện thoại: (028) 5416 6888

Fax: (028) 5416 1818

Giấy phép thành lập và hoạt động:

Số 13GP/KDBH ngày 24/01/2005

Vốn điều lệ: 22.220 tỷ đồng

Lĩnh vực: Bảo hiểm nhân thọ và đầu tư tài chính

Website: www.manulife.com.vn

Ghi chú:

Sản phẩm đã được Bộ Tài Chính phê duyệt theo công văn số 6865/BTC-QLBH ngày 14/06/2019 với tên gọi kỹ thuật là Sản Phẩm Bảo Hiểm Liên Kết Chung Đóng Phí Linh Hoạt (Phiên Bản 2) Tăng Cường Bảo Vệ.

Về Manulife Financial

Là một trong những tập đoàn tài chính quốc tế hàng đầu, Manulife cung cấp các dịch vụ về tư vấn tài chính, bảo hiểm và hưu trí, vận hành dưới thương hiệu Manulife tại Canada, Châu Á và Châu Âu, và dưới thương hiệu John Hancock tại Hoa Kỳ. Với lịch sử hơn 135 năm hoạt động, Manulife hiện phục vụ gần 34 triệu khách hàng trên toàn thế giới.

Về Manulife Việt Nam

Với hơn 1,5 triệu khách hàng, cùng đội ngũ tư vấn viên, hệ thống đối tác chiến lược chuyên nghiệp và mạng lưới 80 văn phòng trên khắp cả nước, Manulife Việt Nam tự hào với lịch sử 24 năm là công ty bảo hiểm nhân thọ có vốn đầu tư nước ngoài được cấp giấy phép hoạt động đầu tiên tại Việt Nam.

THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Tuổi	Nghề nghiệp	Nhóm nghề nghiệp
Bên Mua Bảo Hiểm (BMBH)	NGUYỄN NGỌC A	Nam	01/01/1989	35	Kinh doanh - Nhân viên kinh doanh	2
Người Được Bảo Hiểm (NĐBH)	NGUYỄN NGỌC A	Nam	01/01/1989	35	Kinh doanh - Nhân viên kinh doanh	2

THÔNG TIN ĐẠI LÝ BẢO HIỂM CÁ NHÂN

- Họ và tên: AGENT 10401
- Mã số đại lý: 10401
- Số chứng chỉ đào tạo đại lý: UL01671

THÔNG TIN CHUNG CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Sản phẩm	Người Được Bảo Hiểm	Tuổi	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Mức thẩm định (*)	Số Tiền Bảo Hiểm (đồng)	Phí bảo hiểm theo định kỳ hàng năm (đồng)	
Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính							
Khởi Đầu Hạnh Phúc - Kế hoạch bảo hiểm cơ bản	NGUYỄN NGỌC A	35	64	Chuẩn	1.000.000.000	26.100.000	
Sản Phẩm Bảo Hiểm Bổ Trợ							
1	Bảo Hiểm Tử Vong và Thương Tật Do Tai Nạn Nâng Cao	NGUYỄN NGỌC A	35	35	Chuẩn	500.000.000	1.250.000
2	Bảo Hiểm Tử Vong hoặc Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn	NGUYỄN NGỌC A	35	35	Chuẩn	500.000.000	3.550.000
Tổng Phí Bảo Hiểm Định Kỳ						30.900.000	

KẾ HOẠCH ĐÓNG PHÍ

	Định kỳ đóng phí (đồng)			
	Năm	Nửa Năm	Quý	Tháng
Phí Bảo Hiểm Cơ Bản (a)	26.100.000	13.833.000	7.308.000	(Không Áp Dụng)
Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ (b)	4.800.000	2.545.000	1.344.000	(Không Áp Dụng)
Phí Bảo Hiểm Định Kỳ (c) = (a) + (b)	30.900.000	16.378.000	8.652.000	(Không Áp Dụng)
Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm năm đầu (d)	0	0	0	(Không Áp Dụng)
Tổng Phí Bảo Hiểm Dự Kiến năm đầu (e) = (c) + (d)	30.900.000	16.378.000	8.652.000	(Không Áp Dụng)

- Định kỳ đóng phí bảo hiểm dự kiến: Hàng Năm
- Thời hạn đóng phí bắt buộc: 3 năm
- Thời hạn đóng phí dự kiến: 64 năm

(*) Tài liệu minh họa bán hàng này dành cho (các) Người Được Bảo Hiểm có sức khỏe và/hoặc nghề nghiệp ở mức chuẩn theo quy định của Manulife. Phí Bảo Hiểm và Phí Bảo Hiểm Rủi Ro có thể được điều chỉnh so với mức phí dự kiến đối với tình trạng sức khỏe và/hoặc nghề nghiệp dưới chuẩn.

Ghi chú:

- Thời hạn đóng Phí Bảo Hiểm của Sản Phẩm Bảo Hiểm Chính bằng thời hạn hợp đồng. Tuy nhiên khách hàng có thể lựa chọn thời hạn đóng phí dự kiến linh hoạt theo tình hình tài chính và nhu cầu bảo hiểm của bản thân (tối thiểu 3 năm) và nên đóng phí đúng như dự kiến để có thể đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA SẢN PHẨM CHÍNH

QUYỀN LỢI BẢO HIỂM RỦI RO	
1. Quyền Lợi Thương Tật Do Tai Nạn (*) (**)	a. Quyền lợi Thương Tật Do Tai Nạn: lên đến 1.000.000.000 đồng , tùy thương tật b. Quyền lợi Tồn Thương Nội Tạng Do Tai Nạn: 150.000.000 đồng c. Quyền lợi Gãy Xương Do Tai Nạn: lên đến 1.000.000.000 đồng , tùy tình trạng gãy xương d. Quyền lợi Bỏng Nghiêm Trọng Do Tai Nạn: lên đến 1.000.000.000 đồng , tùy tình trạng bỏng Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn chấm dứt khi NĐBH đạt 70 Tuổi.
2. Quyền Lợi Ung Thư Giai Đoạn Cuối (*) (**)	Công ty chi trả 500.000.000 đồng khi NĐBH được chẩn đoán mắc Ung thư Giai Đoạn Cuối. Quyền Lợi Ung thư Giai Đoạn Cuối sẽ được chấm dứt khi Người Được Bảo Hiểm đạt 70 tuổi.
3. Quyền Lợi Tử Vong (*) (**)	a. Quyền lợi Tử Vong: Kế Hoạch Bảo Hiểm Cơ Bản: Số lớn hơn (giá trị Tài Khoản Cơ Bản, Số Tiền Bảo Hiểm) + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm Kế Hoạch Bảo Hiểm Nâng Cao: giá trị Tài Khoản Cơ Bản + Số Tiền Bảo Hiểm + giá trị Tài Khoản Đóng Thêm b. Quyền lợi Tử vong do Tai Nạn: Trước khi NĐBH đạt 70 Tuổi, Manulife sẽ chi trả thêm như sau: <ul style="list-style-type: none">3.000.000.000 đồng khi NĐBH tử vong do Tai Nạn máy bay2.000.000.000 đồng khi NĐBH tử vong do Tai Nạn giao thông hoặc Tai Nạn Thang Máy hoặc Hỏa hoạn1.000.000.000 đồng khi NĐBH tử vong do các Tai Nạn khác Quyền lợi bảo hiểm Tử Vong do Tai Nạn sẽ khấu trừ đi Quyền lợi bảo hiểm Thương Tật do Tai Nạn đã chi trả trước đó
4. Quyền lợi chu toàn hậu sự (*)	Manulife sẽ chi trả trước 30.000.000 đồng khi nhận được yêu cầu giải quyết quyền lợi Tử vong
Các yếu tố làm ảnh hưởng đến Giá trị tài khoản (**)	Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng, bao gồm giá trị Tài Khoản Cơ Bản và giá trị Tài Khoản Đóng Thêm, sẽ tăng hoặc giảm hàng tháng theo các trường hợp sau: Tài Khoản Cơ Bản <ul style="list-style-type: none">Tăng sau khi được cộng Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Được Phân Bỏ (nếu có);Tăng sau khi được cộng lãi phát sinh trong tháng đó căn cứ lãi suất công bố;Tăng sau khi được cộng Quyền lợi duy trì Hợp Đồng (nếu có);Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng;Giảm sau khi trừ khoản rút từ giá trị Tài Khoản Cơ Bản và phí đi kèm (nếu có). Tài Khoản Đóng Thêm <ul style="list-style-type: none">Tăng sau khi cộng Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm Được Phân Bỏ (nếu có);Tăng sau khi được cộng lãi phát sinh trong tháng đó căn cứ lãi suất công bố;Giảm sau khi trừ Khoản Khấu Trừ Hàng Tháng (nếu giá trị Tài Khoản Cơ Bản không đủ để chi trả khoản tiền này);Giảm sau khi được trừ khoản rút từ giá trị Tài Khoản Đóng Thêm.

QUYỀN LỢI ĐẦU TƯ

Định kỳ hàng tháng, căn cứ vào hoạt động đầu tư của Quý, Manulife sẽ thông báo trên Website mức lãi suất công bố áp dụng cho các Hợp Đồng và chi trả lãi vào Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng. Manulife đảm bảo mức lãi suất áp dụng không thấp hơn mức sau:

Năm Hợp Đồng (Năm)	Từ Năm 1 đến Năm 3	Từ Năm 4 đến Năm 5	Từ Năm 6 đến Năm 10	Từ Năm 11 trở đi
Lãi suất cam kết mỗi Năm	4,0%	3,0%	2,0%	1,0%

Sau khi kết thúc mỗi năm tài chính:

- Nếu hoạt động đầu tư của Quý đạt kết quả tốt hơn dự kiến, tức là lãi suất công bố thấp hơn kết quả thực tế, Manulife sẽ chi trả phần lãi chênh lệch vào Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng trong năm tài chính tiếp theo.
- Nếu hoạt động đầu tư của Quý đạt kết quả thấp hơn dự kiến, tức là lãi suất công bố cao hơn kết quả thực tế, Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng của Bên Mua Bảo Hiểm vẫn giữ nguyên theo mức lãi suất công bố mà Manulife đã áp dụng.

QUYỀN LỢI DUY TRÌ HỢP ĐỒNG

1. Quyền lợi duy trì Hợp Đồng định kỳ ()** Manulife chi trả 3,0% giá trị Tài Khoản Cơ Bản trung bình của 3 năm gần nhất. Quyền lợi được tính vào mỗi cuối 3 Năm Hợp Đồng kể từ Năm Hợp Đồng thứ 3, và cộng vào giá trị Tài Khoản Cơ Bản.

2. Quyền lợi duy trì Hợp Đồng đặc biệt ()** Manulife chi trả quyền lợi duy trì Hợp Đồng đặc biệt vào Tài Khoản Cơ Bản tại Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng năm thứ 10 và/hoặc Ngày Kỷ Niệm Hợp Đồng năm thứ 20.

Số Tiền Bảo Hiểm	Quyền lợi (% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản tại thời điểm phát hành Hợp Đồng quy năm)	
	Tại Năm Hợp Đồng thứ 10	Tại Năm Hợp Đồng thứ 20
Dưới 1 tỷ đồng	50%	300%
Từ 1 tỷ đồng đến dưới 1,5 tỷ đồng	100%	350%
Từ 1,5 tỷ đồng trở lên	150%	400%

Điều kiện chi trả Quyền lợi duy trì Hợp Đồng ()** Manulife chi trả Quyền lợi duy trì Hợp Đồng nếu trong suốt thời hạn xem xét, Hợp Đồng thỏa các điều kiện sau:

- Hợp Đồng chưa từng bị mất hiệu lực; và
- Không có giao dịch rút giá trị Tài Khoản Cơ Bản (kể cả trường hợp rút để đóng phí bảo hiểm); và
- Phí Bảo Hiểm Cơ Bản được đóng đầy đủ và đều đặn qua các kỳ đóng phí; và
- Số Tiền Bảo Hiểm trong thời hạn xem xét luôn lớn hơn hoặc bằng Số Tiền Bảo Hiểm tại thời điểm cấp Hợp Đồng.

(*) Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm dưới 4 Tuổi, Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.

(**) Tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.

ĐIỀU KHOẢN LOẠI TRỪ BẢO HIỂM

Manulife sẽ không thanh toán Quyền lợi bảo hiểm nếu sự kiện bảo hiểm xảy ra có liên quan đến bất kỳ nguyên nhân nào dưới đây:

- Tự tử hoặc cố hành vi tự tử
- Các hành vi vi phạm pháp luật hình sự
- Các loại trừ khác theo Hợp đồng bảo hiểm

Mỗi sản phẩm bổ trợ có các điều khoản loại trừ bảo hiểm khác nhau.

Vui lòng tham khảo điều khoản chi tiết về loại trừ bảo hiểm trong Hợp đồng bảo hiểm hoặc tại website <https://www.manulife.com.vn/> - mục **Sản phẩm** để biết thêm chi tiết.

Bản dự thảo

TÓM TẮT QUYỀN LỢI BẢO HIỂM CỦA CÁC SẢN PHẨM BẢO HIỂM BỔ TRỢ

	Quyền Lợi Bảo Hiểm Bổ Trợ	Sự kiện bảo hiểm	Quyền lợi bảo hiểm
1	Bảo Hiểm Tử Vong và Thương Tật Do Tai Nạn Nâng Cao (*)	<ul style="list-style-type: none">▪ Khi Người Được Bảo Hiểm bị thương tật do Tai Nạn▪ Khi Người Được Bảo Hiểm bị tổn thương nội tạng do Tai Nạn và phải trải qua phẫu thuật ở vùng bụng hoặc ngực▪ Người Được Bảo Hiểm bị tổn thương xương do Tai Nạn▪ Người Được Bảo Hiểm bị bỏng do Tai Nạn▪ Khi Người Được Bảo Hiểm tử vong do Tai Nạn thông thường/ Tai Nạn giao thông hoặc Tai Nạn Thang Máy hoặc hỏa hoạn/ Tai Nạn máy bay (**)	<ul style="list-style-type: none">▪ Tùy theo trình trạng thương tật, tổng số tiền chi trả tối đa lên đến 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ (**)▪ 15% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ, tối đa 150.000.000 đồng▪ Tùy theo trình trạng tổn thương, tổng số tiền chi trả tối đa lên đến 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ (**)▪ Tùy theo trình trạng bỏng, tổng số tiền chi trả tối đa lên đến 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ (**)▪ Tổng quyền lợi thanh toán của các mục trên không vượt quá 100% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ▪ 100%/ 200%/ 300% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ, trừ tổng số tiền đã chi trả quyền lợi bảo hiểm trước đó.
2	Bảo Hiểm Tử Vong hoặc Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn (*)	Khi Người Được Bảo Hiểm tử vong hoặc bị Thương Tật Toàn Bộ Vĩnh Viễn	100% Số Tiền Bảo Hiểm Bổ Trợ

(*) Trong trường hợp Người Được Bảo Hiểm dưới 4 Tuổi, Quyền Lợi Bảo Hiểm sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.

(**) Tham khảo điều khoản hợp đồng để biết thêm chi tiết.

Quyền lợi Bảo hiểm bổ trợ sẽ áp dụng tương ứng với từng Người Được Bảo Hiểm của (các) sản phẩm này. Vui lòng xem lại mục Thông Tin Chung Của Sản Phẩm Bảo Hiểm để biết thêm chi tiết.

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 64 năm)
Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm trợ nhóm B (**)	Phí ban đầu			
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm trợ nhóm A (*)	Tổng phí bảo hiểm		Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm trợ nhóm A (*)	Tổng phí ban đầu
1	26.100		4.800	30.900		22.185		3.120	25.305
2	26.100		4.800	30.900		15.660		2.400	18.060
3	26.100		4.800	30.900		6.525		1.680	8.205
4	26.100		4.800	30.900		522		96	618
5	26.100		4.800	30.900		522		96	618
6	26.100		4.800	30.900		522		96	618
7	26.100		4.800	30.900		522		96	618
8	26.100		4.800	30.900		522		96	618
9	26.100		4.800	30.900		522		96	618
10	26.100		4.800	30.900		522		96	618
11	26.100		4.800	30.900		522		96	618
12	26.100		4.800	30.900		522		96	618
13	26.100		4.800	30.900		522		96	618
14	26.100		4.800	30.900		522		96	618
15	26.100		4.800	30.900		522		96	618
16	26.100		4.800	30.900		522		96	618
17	26.100		4.800	30.900		522		96	618
18	26.100		4.800	30.900		522		96	618
19	26.100		4.800	30.900		522		96	618
20	26.100		4.800	30.900		522		96	618

(*) Nhóm A: Sản phẩm trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro, (**) Nhóm B: Các sản phẩm trợ còn lại

MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 64 năm)
Đơn vị: nghìn đồng

Năm HD	Phí đem đi đầu tư				Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		
	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*) sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Lãi suất đầu tư cam kết	Lãi suất minh họa 5%	Lãi suất minh họa 6%
1	3.915		1.680	5.595				
2	10.440		2.400	12.840	548	6.408	6.408	6.408
3	19.575		3.120	22.695	572	6.735	6.734	6.733
4	25.578		4.704	30.282	596	7.072	7.070	7.067
5	25.578		4.704	30.282	620	7.434	7.427	7.422
6	25.578		4.704	30.282	644	7.847	7.832	7.824
7	25.578		4.704	30.282	668	8.288	8.259	8.245
8	25.578		4.704	30.282	692	8.782	8.732	8.710
9	25.578		4.704	30.282	712	9.361	9.284	9.252
10	25.578		4.704	30.282	720	9.890	9.775	9.729
11	25.578		4.704	30.282	720	10.372	10.203	10.137
12	25.578		4.704	30.282	720	10.991	10.742	10.651
13	25.578		4.704	30.282	720	11.592	11.238	11.111
14	25.578		4.704	30.282	720	12.191	11.711	11.542
15	25.578		4.704	30.282	720	12.841	12.206	11.984
16	25.578		4.704	30.282	720	13.492	12.645	12.350
17	25.578		4.704	30.282	720	14.303	13.207	12.825
18	25.578		4.704	30.282	720	15.250	13.848	13.356
19	25.578		4.704	30.282	720	16.204	14.378	13.731
20	25.578		4.704	30.282	720	17.385	15.079	14.255

() Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro*

**MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 64 năm)**

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết					Rút tài khoản
			Quyền lợi tử vong/TTTB&VV (**)	Quyền lợi rủi ro khác	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Giá Trị Tài Khoản	Giá Trị Hoàn Lại	
1 / 36	30.900	5.595	2.000.000	500.000			5.819	
2 / 37	30.900	12.840	2.000.000	500.000			12.299	
3 / 38	30.900	22.695	2.000.000	500.000		527	29.457	10.917
4 / 39	30.900	30.282	2.000.000	500.000			53.739	39.834
5 / 40	30.900	30.282	2.000.000	500.000			78.357	69.087
6 / 41	30.900	30.282	2.000.000	500.000		2.427	104.656	100.021
7 / 42	30.900	30.282	2.000.000	500.000			128.584	128.584
8 / 43	30.900	30.282	2.000.000	500.000			152.467	152.467
9 / 44	30.900	30.282	2.000.000	500.000		4.662	180.885	180.885
10 / 45	30.900	30.282	2.000.000	500.000		28.500	233.165	233.165
11 / 46	30.900	30.282	2.000.000	500.000			254.929	254.929
12 / 47	30.900	30.282	2.000.000	500.000		7.493	283.782	283.782
13 / 48	30.900	30.282	2.000.000	500.000			304.826	304.826
14 / 49	30.900	30.282	2.000.000	500.000			325.479	325.479
15 / 50	30.900	30.282	2.000.000	500.000		9.893	355.576	355.576
16 / 51	30.900	30.282	2.000.000	500.000			375.428	375.428
17 / 52	30.900	30.282	2.000.000	500.000			394.662	394.662
18 / 53	30.900	30.282	2.000.000	500.000		11.985	425.122	425.122
19 / 54	30.900	30.282	2.000.000	500.000			442.943	442.943
20 / 55	30.900	30.282	2.000.000	500.000		105.750	565.504	565.504

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A), (**) TTTB&VV: Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

**MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 64 năm)**

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/tuổi của NĐBH	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư minh họa 5% (không đảm bảo)					Quyền lợi tại lãi suất đầu tư minh họa 6% (không đảm bảo)					Rút tài khoản
	Quyền lợi tử vong/TTTB&VV (**)	Quyền lợi rủi ro khác	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Giá Trị Tài Khoản	Giá Trị Hoàn Lại	Quyền lợi tử vong/TTTB&VV (**)	Quyền lợi rủi ro khác	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Giá Trị Tài Khoản	Giá Trị Hoàn Lại	
1 / 36	2.000.000	500.000		5.875		2.000.000	500.000		5.931		
2 / 37	2.000.000	500.000		12.508		2.000.000	500.000		12.717		
3 / 38	2.000.000	500.000	532	29.993	11.453	2.000.000	500.000	538	30.535	11.995	
4 / 39	2.000.000	500.000		55.417	41.512	2.000.000	500.000		56.556	42.651	
5 / 40	2.000.000	500.000		81.722	72.452	2.000.000	500.000		83.748	74.478	
6 / 41	2.000.000	500.000	2.516	111.416	106.781	2.000.000	500.000	2.567	114.699	110.064	
7 / 42	2.000.000	500.000		139.617	139.617	2.000.000	500.000		144.480	144.480	
8 / 43	2.000.000	500.000		168.716	168.716	2.000.000	500.000		175.542	175.542	
9 / 44	2.000.000	500.000	5.087	203.771	203.771	2.000.000	500.000	5.268	213.158	213.158	
10 / 45	2.000.000	500.000	28.500	263.478	263.478	2.000.000	500.000	28.500	275.761	275.761	
11 / 46	2.000.000	500.000		297.231	297.231	2.000.000	500.000		313.199	313.199	
12 / 47	2.000.000	500.000	8.625	340.743	340.743	2.000.000	500.000	9.060	361.412	361.412	
13 / 48	2.000.000	500.000		377.297	377.297	2.000.000	500.000		402.984	402.984	
14 / 49	2.000.000	500.000		415.193	415.193	2.000.000	500.000		446.604	446.604	
15 / 50	2.000.000	500.000	12.364	466.838	466.838	2.000.000	500.000	13.234	505.620	505.620	
16 / 51	2.000.000	500.000		508.252	508.252	2.000.000	500.000		554.565	554.565	
17 / 52	2.000.000	500.000		551.158	551.158	2.000.000	500.000		605.956	605.956	
18 / 53	2.000.000	500.000	16.374	611.926	611.926	2.000.000	500.000	17.910	677.793	677.793	
19 / 54	2.000.000	500.000		658.814	658.814	2.000.000	500.000		735.642	735.642	
20 / 55	2.000.000	500.000	105.750	813.075	813.075	2.000.000	500.000	105.750	902.171	902.171	

(*) TTTB&VV: Thương tạt toàn bộ và vĩnh viễn

**MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)***Đơn vị: nghìn đồng*

Năm HD	Phí bảo hiểm				Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm B (**)	Phí ban đầu			
	Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*)	Tổng phí bảo hiểm		Phí bảo hiểm cơ bản	Phí bảo hiểm đóng thêm	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*)	Tổng phí ban đầu
1	26.100		4.800	30.900		22.185		3.120	25.305
2	26.100		4.800	30.900		15.660		2.400	18.060
3	26.100		4.800	30.900		6.525		1.680	8.205

(*) Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro, (**) Nhóm B: Các sản phẩm bổ trợ còn lại

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chi mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

Bản dự thảo

**MINH HỌA VỀ CÁC KHOẢN PHÍ TÍNH CHO KHÁCH HÀNG
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)**
Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ	Phí đem đi đầu tư				Phí quản lý hợp đồng	Phí bảo hiểm rủi ro		
	Phí bảo hiểm cơ bản sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm đóng thêm sau khi khấu trừ phí ban đầu	Phí bảo hiểm bổ trợ nhóm A (*) sau khi khấu trừ phí ban đầu	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư		Lãi suất đầu tư cam kết	Lãi suất minh họa 5%	Lãi suất minh họa 6%
1	3.915		1.680	5.595				
2	10.440		2.400	12.840	548	6.408	6.408	6.408
3	19.575		3.120	22.695	572	6.735	6.734	6.733
4					596	7.155	7.153	7.151
5					620	7.615	7.611	7.609
6					644	8.146	8.141	8.137
7					668	5.780	7.628	8.722
8					13			171

(*) Nhóm A: Sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chi mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

**MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)**

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/tuổi của NĐBH	Tổng phí bảo hiểm (*)	Tổng phí bảo hiểm đem đi đầu tư	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư cam kết					Rút tài khoản
			Quyền lợi tử vong/TTTB&VV (**)	Quyền lợi rủi ro khác	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Giá Trị Tài Khoản	Giá Trị Hoàn Lại	
1 / 36	30.900	5.595	2.000.000	500.000		5.819		
2 / 37	30.900	12.840	2.000.000	500.000		12.299		
3 / 38	30.900	22.695	2.000.000	500.000	527	29.457	10.917	
4 / 39			2.000.000	500.000		22.464	3.924	
5 / 40			2.000.000	500.000		14.770		
6 / 41			2.000.000	500.000		6.181		
7 / 42						Mất hiệu lực		

(*) Tổng phí bảo hiểm: Phí cơ bản, đóng thêm và bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro (nhóm A), (**) TTTB&VV: Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

MINH HỌA VỀ QUYỀN LỢI THEO QUY ĐỊNH TẠI QUY TẮC ĐIỀU KHOẢN SẢN PHẨM BẢO HIỂM
(Trường hợp đóng đủ phí bảo hiểm trong 3 năm bắt buộc)

Đơn vị: nghìn đồng

Năm HĐ/tuổi của NĐBH	Quyền lợi tại lãi suất đầu tư minh họa 5% (không đảm bảo)					Quyền lợi tại lãi suất đầu tư minh họa 6% (không đảm bảo)					Rút tài khoản
	Quyền lợi tử vong/TTTB&VV (**)	Quyền lợi rủi ro khác	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Giá Trị Tài Khoản	Giá Trị Hoàn Lại	Quyền lợi tử vong/TTTB&VV (**)	Quyền lợi rủi ro khác	Quyền lợi duy trì Hợp Đồng	Giá Trị Tài Khoản	Giá Trị Hoàn Lại	
1 / 36	2.000.000	500.000		5.875		2.000.000	500.000		5.931		
2 / 37	2.000.000	500.000		12.508		2.000.000	500.000		12.717		
3 / 38	2.000.000	500.000	532	29.993	11.453	2.000.000	500.000	538	30.535	11.995	
4 / 39	2.000.000	500.000		23.536	4.996	2.000.000	500.000		24.371	5.831	
5 / 40	2.000.000	500.000		16.260		2.000.000	500.000		17.340		
6 / 41	2.000.000	500.000		8.053		2.000.000	500.000		9.317		
7 / 42				Mất hiệu lực		2.000.000	500.000		184		
8 / 43									Mất hiệu lực		

(*) TTTB&VV: Thương tật toàn bộ và vĩnh viễn

Lưu ý: Số liệu minh họa không bao gồm Phí bảo hiểm đóng thêm, giá trị Rút tài khoản và chỉ mang tính tham khảo, khách hàng nên đóng phí như thời hạn dự kiến để đạt được các mục tiêu tài chính đã xác định.

GHI CHÚ:

- Tài liệu minh họa bán hàng này dựa trên giả định:
 - Phí bảo hiểm được minh họa theo định kỳ hàng năm và có thể khác với phí bảo hiểm thực đóng và định kỳ thực tế.
 - NĐBH có sức khỏe ở mức như được quy định tại mục Thông Tin Chung Của Sản Phẩm Bảo Hiểm của Tài liệu minh họa bán hàng này.
 - Hợp đồng đạt đầy đủ các yêu cầu nhận Quyền lợi duy trì Hợp Đồng theo quy định tại điều khoản sản phẩm.
- Lãi suất cam kết và lãi suất minh họa trên đây đã được khấu trừ % Phí Quản Lý Quỹ.
- Lãi suất minh họa chỉ mang tính tham khảo. Mức lãi suất đầu tư thực tế có thể tăng hoặc giảm tùy thuộc vào kết quả đầu tư của Quỹ Liên Kết Chung, nhưng đảm bảo không thấp hơn mức lãi suất cam kết tối thiểu là 4,0%/năm trong 3 Năm Hợp Đồng đầu tiên, 3,0%/năm trong Năm Hợp Đồng thứ 4, 5; 2,0%/năm từ Năm Hợp Đồng thứ 6 đến Năm Hợp Đồng thứ 10 và 1,0%/năm từ Năm Hợp Đồng thứ 11 trở đi.
- Quyền lợi Tử vong/TTTB&VV trong bảng minh họa phía trên bao gồm: quyền lợi Tử Vong, 100% STBH cho quyền lợi Tử Vong và Thương Tật do Tai Nạn của sản phẩm chính.
- Quyền lợi rủi ro khác trong bảng minh họa phía trên bao gồm: 50% STBH cho quyền lợi Ung Thư Giai Đoạn Cuối của sản phẩm chính.
- Trường hợp NĐBH dưới 4 tuổi, các quyền lợi bảo hiểm nêu trên sẽ được điều chỉnh theo quy định tại điều khoản hợp đồng.
- Các giao dịch liên quan đến việc thay đổi Số Tiền Bảo Hiểm, phí bảo hiểm, hoặc yêu cầu rút Giá Trị Tài Khoản (nếu có) phải được BMBH gửi yêu cầu theo mẫu về Manulife và chỉ có hiệu lực sau khi được Manulife chấp thuận bằng văn bản hoặc ban hành (các) Xác Nhận Thay Đổi Hợp Đồng.
- Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ được sử dụng với mục đích minh họa phí bảo hiểm, quyền lợi và các loại phí trong Hợp Đồng. Kết quả sẽ thay đổi dựa trên kết quả thực tế của Quỹ Liên Kết Chung. Chi tiết về Hợp Đồng Bảo Hiểm và các quyền lợi bảo hiểm được quy định cụ thể trong quy tắc và điều khoản của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

THÔNG TIN VỀ QUỸ LIÊN KẾT CHUNG

Quỹ liên kết chung là (“Quỹ”) được hình thành từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản Được Phân Bỏ và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm Được Phân Bỏ và được tạo ra từ tất cả các hợp đồng bảo hiểm liên kết chung do Công Ty phát hành.

1. Chính sách và mục tiêu đầu tư của Quỹ liên kết chung: Quỹ có chính sách đầu tư trung và dài hạn, tập trung tìm kiếm sự cân bằng tối ưu giữa tăng lợi nhuận và giảm thiểu rủi ro với mục tiêu tạo được lợi nhuận đầu tư ổn định và sinh lời với khả năng thanh khoản cao cho khách hàng.

2. Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ liên kết chung: Cơ cấu đầu tư tài sản của Quỹ tập trung chủ yếu vào trái phiếu Chính phủ, trái phiếu đô thị, trái phiếu doanh nghiệp, các công cụ của thị trường tiền tệ và các kênh đầu tư khác. Tỷ lệ phân bổ tài sản cụ thể được công bố hằng năm trong Báo Cáo Thường Niên – Quỹ liên kết chung, đăng tải trên Website: www.manulife.com.vn

3. Đơn vị nhận ủy thác Quỹ liên kết chung: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife Investment (Việt Nam)

4. Lãi suất công bố 05 năm vừa qua của Quỹ liên kết chung:

Năm	2018	2019	2020	2021	2022
Lãi suất công bố	5,1%	5,0%	4,5 - 5,0%	4,0% - 5,0%	3,3% - 4,5%

GIẢI THÍCH CÁC THUẬT NGỮ VÀ CÁC LOẠI PHÍ LIÊN QUAN

1. Phí Bảo Hiểm Cơ Bản:	Là khoản phí đóng cho sản phẩm chính.																												
2. Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ:	Là khoản phí đóng cho (các) sản phẩm bổ trợ.																												
3. Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm:	Là khoản phí do Bên Mua Bảo Hiểm đóng thêm ngoài Phí Bảo Hiểm Định Kỳ cho Hợp Đồng Bảo Hiểm.																												
4. Phí Ban Đầu:	<p>Phí Ban Đầu là phí được khấu trừ từ Phí Bảo Hiểm Cơ Bản, Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ và Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm trước khi phân bổ vào tài khoản hợp đồng.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm Phí Bảo Hiểm</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản</td> <td>85%</td> <td>60%</td> <td>25%</td> <td>2%</td> </tr> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro</td> <td>65%</td> <td>50%</td> <td>35%</td> <td>2%</td> </tr> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm</td> <td colspan="4">2%</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4+	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	85%	60%	25%	2%	% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro	65%	50%	35%	2%	% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	2%											
Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4+																									
% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản	85%	60%	25%	2%																									
% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro	65%	50%	35%	2%																									
% Phí Bảo Hiểm Đóng Thêm	2%																												
5. Phí Bảo Hiểm Rủi Ro:	<p>Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng để đảm bảo chi trả quyền lợi bảo hiểm theo quy định của sản phẩm chính và sản phẩm bổ trợ, trừ sản phẩm Sống Khỏe Mỗi Ngày và sản phẩm Bảo Hiểm Trợ Cấp Thai Sản. Phí Bảo Hiểm Rủi Ro được miễn phí trong Năm Hợp Đồng đầu tiên và từ năm Người Được Bảo Hiểm đạt 85 Tuổi trở đi.</p> <p>Đối với sản phẩm Bảo Hiểm Trợ Cấp Y Tế Mở Rộng và Bệnh Lý Nghiêm Trọng Mở Rộng (nếu có), Phí Bảo hiểm Rủi Ro được miễn phí từ năm Người Được Bảo Hiểm đạt 80 Tuổi trở đi.</p>																												
6. Phí Quản Lý Hợp Đồng:	<p>Là khoản phí được khấu trừ hàng tháng để Manulife thực hiện các công việc cần thiết liên quan đến việc quản lý, duy trì Hợp Đồng và cung cấp các thông tin liên quan đến Hợp Đồng cho Bên Mua Bảo Hiểm. Phí Quản Lý Hợp Đồng sẽ thay đổi trong mỗi năm dương lịch nhưng không vượt quá mức quy định tối đa (60.000 đồng/tháng) như bảng sau:</p> <p style="text-align: center;">Đơn vị: nghìn đồng</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>2020</th> <th>2021</th> <th>2022</th> <th>2023</th> <th>2024</th> <th>2025</th> <th>2026</th> <th>2027</th> <th>2028</th> <th>2029</th> <th>2030</th> <th>2031</th> <th>2032</th> <th>2033+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>35</td> <td>37</td> <td>39</td> <td>41</td> <td>43</td> <td>45</td> <td>47</td> <td>49</td> <td>51</td> <td>53</td> <td>55</td> <td>57</td> <td>59</td> <td>60</td> </tr> </tbody> </table> <p>Phí Quản Lý Hợp Đồng được miễn phí trong Năm Hợp Đồng đầu tiên và từ năm Người Được Bảo Hiểm đạt 85 Tuổi trở đi.</p>	2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+	35	37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60
2020	2021	2022	2023	2024	2025	2026	2027	2028	2029	2030	2031	2032	2033+																
35	37	39	41	43	45	47	49	51	53	55	57	59	60																
7. Phí Quản Lý Quỹ:	Là khoản phí dùng để chi trả cho các hoạt động của Quỹ Liên Kết Chung và sẽ được khấu trừ trước khi Manulife công bố lãi suất đầu tư. Mức Phí Quản Lý Quỹ tối đa là hai phần trăm một năm (2%/năm) tính trên Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng.																												
8. Phí Hủy Bỏ Hợp Đồng Trước Hạn:	<p>Là khoản phí phát sinh khi Bên Mua Bảo Hiểm yêu cầu chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn. Phí này được tính theo tỷ lệ phần trăm (%) trên Phí Bảo Hiểm Cơ Bản và trên Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ cho Tài Khoản Cơ Bản, và miễn phí cho Tài Khoản Đóng Thêm.</p> <table border="1"> <thead> <tr> <th>Năm Phí Bảo Hiểm</th> <th>1</th> <th>2</th> <th>3</th> <th>4</th> <th>5</th> <th>6</th> <th>7+</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên</td> <td rowspan="2">90%</td> <td rowspan="2">75%</td> <td rowspan="2">60%</td> <td rowspan="2">45%</td> <td rowspan="2">30%</td> <td rowspan="2">15%</td> <td rowspan="2">0%</td> </tr> <tr> <td>% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro quy năm hiện tại</td> </tr> </tbody> </table>	Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4	5	6	7+	% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên	90%	75%	60%	45%	30%	15%	0%	% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro quy năm hiện tại											
Năm Phí Bảo Hiểm	1	2	3	4	5	6	7+																						
% Phí Bảo Hiểm Cơ Bản quy năm của Năm Hợp Đồng đầu tiên	90%	75%	60%	45%	30%	15%	0%																						
% Phí Bảo Hiểm Bổ Trợ Khấu Trừ Phí Bảo Hiểm Rủi Ro quy năm hiện tại																													

CÁC THÔNG TIN KHÁC

- Số điện thoại đường dây nóng dịch vụ khách hàng: 1900 1776
- Địa chỉ email của Bộ phận dịch vụ khách hàng: khachhang@manulife.com
- Thông tin về địa chỉ Văn phòng/Trung tâm dịch vụ khách hàng: <https://www.manulife.com.vn/vi/lien-he.html>
- Khách hàng có thể tham khảo quy tắc điều khoản của sản phẩm bảo hiểm tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/san-pham-bao-hiem.html>
- Khách hàng có thể truy cập công cụ tính toán để tự xây dựng kế hoạch bảo hiểm tại: <https://shop.manulife.com.vn/ext/vn-ecm-web/dang-ky>
- Khách hàng có thể tìm kiếm thông tin/báo cáo về hoạt động của quỹ tại: <https://www.manulife.com.vn/vi/ve-chung-toi/bao-cao-tai-chinh.html>

LƯU Ý KHI THAM GIA SẢN PHẨM

1. Vui lòng tham khảo chi tiết về các quyền lợi bảo hiểm trong Quy tắc, Điều khoản sản phẩm.
2. Khách hàng phải tuân thủ các quy định tại hợp đồng bảo hiểm để đảm bảo quyền lợi và lợi ích của mình, đặc biệt là nghĩa vụ về đóng phí và kê khai thông tin.
3. Việc giao kết hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn, bên mua bảo hiểm không nên hủy bỏ hợp đồng bảo hiểm vì có thể dẫn đến việc không nhận lại được giá trị tương đương với khoản phí bảo hiểm đã đóng.

XÁC NHẬN CỦA BÊN MUA BẢO HIỂM

- Tôi/Chúng tôi đồng ý tham gia sản phẩm bảo hiểm chính này, các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ đính kèm và cam kết sẽ thực hiện các nghĩa vụ theo Hợp Đồng Bảo Hiểm.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Tài liệu minh họa bán hàng này chỉ có hiệu lực nếu được nộp vào Manulife để cấp hợp đồng vào hoặc trước ngày 04/06/2024 và được đính kèm với Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của Bên Mua Bảo Hiểm.
- Tôi/Chúng tôi hiểu Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng thay đổi tùy thuộc vào kết quả đầu tư thực tế, Phí bảo hiểm thực đóng và số tiền rút ra thực tế. Do đó, giá trị này có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với giá trị ghi ở Tài liệu minh họa bán hàng.
- Tôi/Chúng tôi hiểu rằng Hợp Đồng Bảo Hiểm sẽ mất hiệu lực nếu (i) các khoản phí bảo hiểm theo quy định tại Hợp Đồng Bảo Hiểm không được đóng đầy đủ hoặc (ii) Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng trừ đi các khoản Nợ (nếu có) nhỏ hơn 0, tùy sự kiện nào xảy ra trước.
- Tôi/Chúng tôi hiểu và đồng ý rằng Phí Bảo Hiểm Rủi Ro của sản phẩm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ vào mỗi Ngày Kỳ Niệm Tháng Hợp Đồng từ Giá Trị Tài Khoản Hợp Đồng khi tôi/chúng tôi tham gia các sản phẩm bảo hiểm bổ trợ khấu trừ phí bảo hiểm rủi ro, trừ sản phẩm Sống Khỏe Mỗi Ngày và sản phẩm Bảo Hiểm Trợ Cấp Thai Sản.
- Tôi/Chúng tôi hiểu việc tham gia hợp đồng bảo hiểm là một cam kết dài hạn và không nên hủy bỏ hợp đồng vì các khoản phí phải trả có thể rất cao trong thời gian đầu của Hợp Đồng.
- Tôi/Chúng tôi cam kết các thông tin cá nhân là do chính tôi/chúng tôi cung cấp một cách trung thực và chịu mọi trách nhiệm liên quan nếu khai báo không trung thực. Tôi/Chúng tôi cũng xác nhận đã được tư vấn đầy đủ, đồng thời đã đọc kỹ và hiểu rõ tất cả các trang minh họa cũng như nội dung của Điều khoản hợp đồng và Bảng câu hỏi đánh giá khả năng tài chính của Bên Mua Bảo Hiểm. Tôi/Chúng tôi đã hiểu rõ quyền lợi và trách nhiệm của tôi/chúng tôi khi tham gia sản phẩm này, đặc biệt là các quyền lợi không đảm bảo phụ thuộc vào kết quả đầu tư của các Quỹ.

Ngày: _____

Chữ ký: _____
NGUYỄN NGỌC A**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI LÝ TƯ VẤN SẢN PHẨM BẢO HIỂM**

Tôi, người ký tên dưới đây, cam đoan và xác nhận đã giải thích trung thực, đầy đủ và đã tư vấn cho khách hàng có tên nêu trên về chi tiết của Tài liệu minh họa bán hàng này và nội dung của Quy tắc và Điều khoản của Hợp Đồng Bảo Hiểm.

Ngày: _____

Chữ ký: _____
AGENT 10401, 10401, HCM04